

Báo cáo ngành

Kết quả kinh doanh Q3 2024: LNST toàn thị trường hồi phục chậm hơn Q2 2024

Lợi nhuận sau thuế toàn thị trường tăng 17.3% YoY trong Q3 2024 với mức tăng trưởng 18.8% YoY của nhóm DN Phi tài chính và tăng trưởng 15.7% YoY ở nhóm DN Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm).

15/19 nhóm ngành có lợi nhuận Q3 2024 tăng so với cùng kỳ:

- **Ngân hàng, Du lịch giải trí, Điện nước xăng dầu khí đốt & Thực phẩm đồ uống đóng góp chính vào mức tăng LNST của toàn thị trường.** LNST Q3 2024 của các NHNY tăng 17.6% YoY nhờ tăng trưởng 17.5% của thu nhập lãi thuần và kiểm soát tốt các chi phí. Nhóm Du lịch giải trí chuyển từ lỗ thành lãi trong Q3 2024 do các DN vận tải hàng không lớn là HVN và VJC cải thiện hiệu quả HĐKD và kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động. Nhóm Điện, nước, xăng dầu và khí đốt ghi nhận LNST tăng 36% YoY trong Q3 2024, chủ yếu nhờ lãi tỷ giá/ hoàn nhập lỗ tỷ giá chưa thực hiện của các DN nhiệt điện khí lớn như POW và PGV khi tỷ giá USD/VND giảm trong quý. Trong khi đó, lợi nhuận ròng của các DN BĐS tăng 17% YoY, với đóng góp chính từ thu nhập tài chính của NVL. Nếu loại trừ NVL và các CP Vingroup, LNST toàn ngành vẫn duy trì được tăng trưởng (+20% YoY), với sự dẫn dắt của nhóm BĐS Khu công nghiệp (+73% YoY) trong khi các DN BĐS thương mại tiếp tục gặp khó khăn do thiếu dự án lớn để bàn giao (-8% YoY)
- **Ngược lại, Dầu khí là nhóm kéo giảm lợi nhuận toàn thị trường.** LNST nhóm Dầu khí trong Q3 2024 là -553 tỷ VND (so với lãi 4.6 nghìn tỷ VND cùng kỳ 2023). Nguyên nhân chính của khoản lỗ trên đến từ việc biên lợi nhuận của nhiều DN giảm và áp lực trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng tại một số DN như BSR, PLX khi giá dầu giảm nhanh. Ngoài ra, lợi nhuận của PLX không còn đóng góp từ doanh thu tài chính bất thường do thoái vốn PGBank như Q3 2023 cũng kéo giảm LN toàn ngành so với cùng kỳ

Lợi nhuận của các DNNY trên cả HOSE, HNX tăng lần lượt 24.1% YoY và 15.9% YoY trong Q3 2024. Ngược lại, LNST các DN trên UPCoM giảm 16.2% YoY chủ yếu do suy giảm lợi nhuận của BSR.

Tiêu Phan Thanh Quang

quangtpt@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

hanhntk@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6412

Phạm Nguyễn Long

longpn@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6420

Toàn cảnh Kết quả kinh doanh Q3 2024

LNST Q3 2024 toàn thị trường tăng 17.3% YoY.

Lợi nhuận sau thuế toàn thị trường tăng 17.3% YoY trong Q3 2024, đến từ tăng trưởng 18.8% YoY của nhóm DN Phi tài chính và tăng trưởng 15.7% YoY ở nhóm DN Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm).

Biểu đồ 1: LNST toàn thị trường tiếp tục hồi phục, nhưng chậm hơn tăng trưởng của Q2 2024

Tăng trưởng LNST toàn thị trường hàng quý [% YoY]

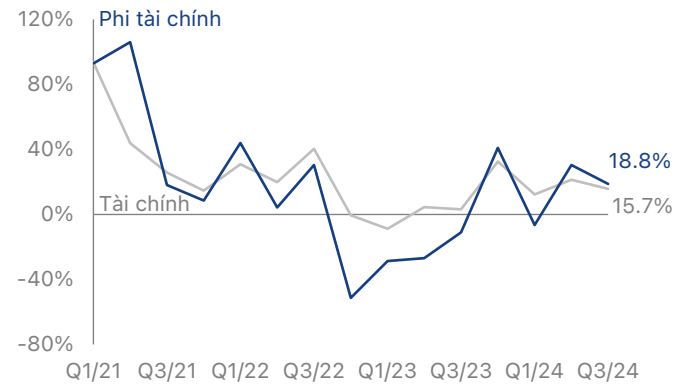


Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1049/1748 doanh nghiệp, chiếm 97.9% vốn hoá toàn thị trường

Biểu đồ 2: Lợi nhuận tăng ở nhóm DN Phi Tài chính tăng nhanh hơn nhóm DN Tài chính

Tăng trưởng LNST theo nhóm ngành hàng quý [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1049/1748 doanh nghiệp, chiếm 97.9% vốn hoá toàn thị trường

15/19 nhóm ngành có lợi nhuận Q3 2024 tăng so với cùng kỳ.

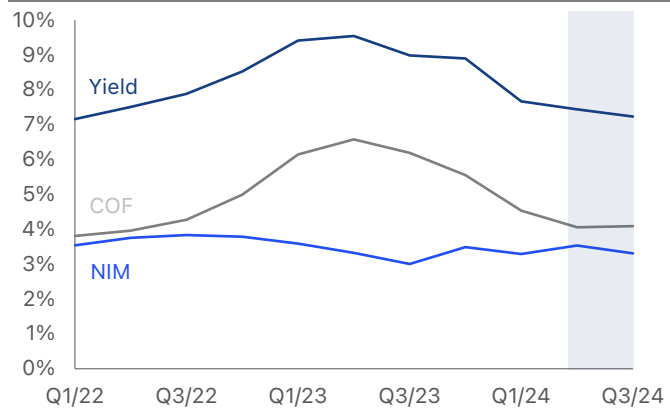
Ngân hàng, Du lịch giải trí, Điện nước xăng dầu khí đốt & Thực phẩm đồ uống đóng góp chính vào mức tăng LNST của toàn thị trường.

- **LNST Q3 2024 của các NHNY đạt 56,052 tỷ VND (+17.6% YoY) với động lực chính từ tăng trưởng của thu nhập lãi thuần +17.5% YoY và kiểm soát tốt các chi phí.** Nhóm NHTMCP tư nhân vốn hóa trung bình, giải ngân tín dụng tốt như LPB, VPB, HDB và TCB chứng kiến lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ. Tổng dư nợ tín dụng của các NHNY tính đến cuối Q3 2024 tăng 20.1% YoY. Biên lãi thuần (NIM) bình quân các NHNY trong Q3 2024 cải thiện so với cùng kỳ nhờ chi phí vốn giảm. Tuy nhiên, so với quý trước, NIM bình quân giảm khoảng 0.2 điểm phần trăm (đpt) do đà tăng lãi suất kể từ cuối Q2 2024 được phản ánh vào chi phí vốn (COF) (16/27 NHNY ghi nhận COF tăng so với quý trước) trong khi lãi suất cho vay bình quân giảm trước áp lực cạnh tranh, định hướng giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng và cơ cấu tín dụng dịch chuyển sang các khoản vay lãi suất thấp hơn. Về các khoản thu ngoài lãi, sự suy giảm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, ngoại hối và thu hồi nợ xấu đã xử lý khiến tổng thu ngoài lãi của các NHNY giảm 3.9% YoY. Trước tình hình thu hoạt động giảm, các NHNY đã tăng cường hiệu quả quản lý chi phí, tỷ lệ CP hoạt động (CIR) bình quân các NHNY là 42.5%, giảm 5.5 đpt

so với Q3 2023. Về chất lượng tài sản, quy mô nợ xấu của các NHNY tiếp tục tăng với tốc độ chậm dần qua các quý. Số dư nợ xấu đến cuối Q3 2024 tăng 30.3% YTD, cho thấy tình hình nợ xấu của hệ thống vẫn chưa được cải thiện vững chắc. Tuy vậy, số dư và tỷ lệ nợ có vấn đề giảm quý thứ 2 liên tiếp, củng cố kỳ vọng của chúng tôi rằng tỷ lệ nợ xấu sẽ giảm dần về cuối năm 2024. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ giúp giảm bớt gánh nặng dự phòng, và tạo thêm dư địa cho các ngân hàng củng cố bộ đệm dự phòng trong thời gian tới

Biểu đồ 3: NIM của các NHNY trong Q3 2024 giảm nhẹ so với quý trước do chi phí vốn tăng

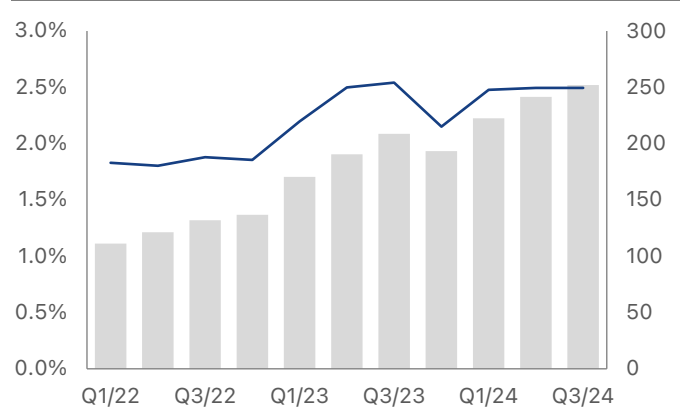
Biên lãi thuần – NIM, Chi phí vốn – COF và Lợi tức tài sản sinh lời - Yield bình quân của các NHNY [%]



Nguồn: Các NHNY, TVS Research

Biểu đồ 4: Nợ xấu của các NHNY tiếp tục tăng nhưng tốc độ giảm dần hàng quý

Tỷ lệ nợ xấu bình quân các NHNN [đường - trục trái - %] và Tổng dư nợ xấu của các NHNN [cột - trục phải - nghìn tỷ VND]



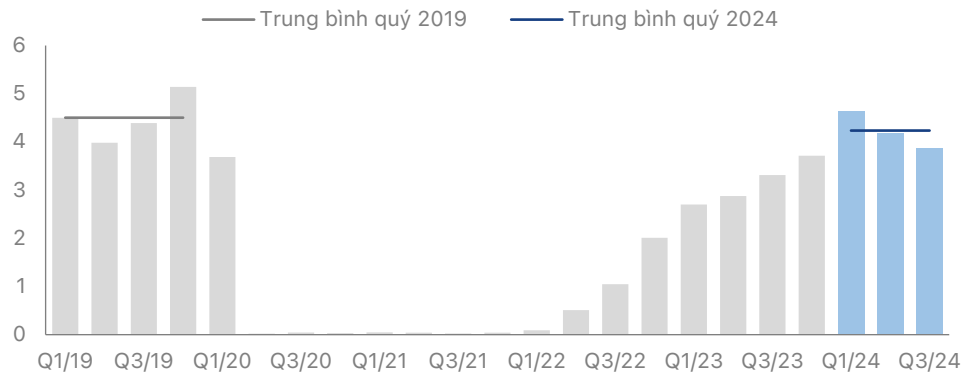
Nguồn: Các NHNY, TVS Research

Ghi chú: Tỷ lệ nợ xấu bình quân không bao gồm NVB

- LNST của các DN Du lịch giải trí đạt 1,849 tỷ VND trong Q3 2024 so với -1,760 tỷ VND trong Q3 2023, đóng góp chính từ 2 DN hàng không là HVN và VJC.** Chúng tôi cho rằng động lực cho tăng trưởng này đến từ (1) biên lợi nhuận gộp cải thiện (HVN: biên LNG tăng lên 12% từ 6%, VJC: biên LNG tăng lên 12% từ 9% cùng kỳ) và (2) chi phí bán hàng & QLDN được kiểm soát tốt. Chúng tôi cho rằng KQKD Q4 2024 của nhóm Du lịch & Giải trí, đặc biệt là các DN hàng không sẽ tăng trưởng tốt nhờ sự hồi phục của sản lượng hành khách quốc tế (sản lượng khách quốc tế đã hồi phục hoàn toàn so với trước dịch (2019))

Biểu đồ 5: Lượng khách quốc tế trung bình trong năm 2024 đã hồi phục ngang mức trước dịch

Lượng khách quốc tế tới Việt Nam [triệu người]

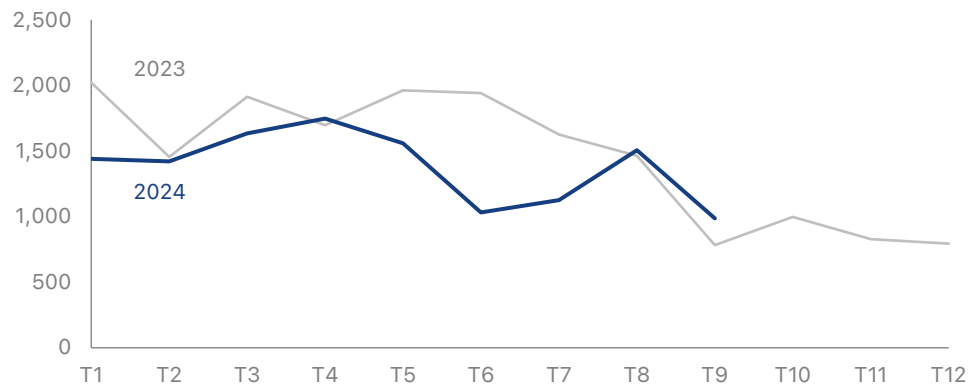


Nguồn: Tổng cục Du lịch, TVS Research

- LNST của các DN Điện nước xăng dầu khí đốt tăng 36% YoY trong Q3 2024, với đóng góp chính từ lãi tỷ giá/ hoàn nhập lỗ tỷ giá ở các DN nhiệt điện khí như POW, NT2 và PGV.** Đây là các DN có dư nợ vay bằng USD lớn, nên được hưởng lợi khi tỷ giá USD/VND giảm trong Q3 2024. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh cốt lõi của nhóm DN nhiệt điện này chưa cải thiện do: (1) Tỷ lệ bán điện hợp đồng (Qc) với các nhà máy điện than giảm xuống 70% từ mức 80% của năm 2023, (2) Giá bán điện trên thị trường điện cạnh tranh (CGM) thấp do tăng huy động từ các nguồn điện có giá bán rẻ như thủy điện

Biểu đồ 6: Giá điện thanh toán trên CGM thấp hơn so với năm 2023

Giá điện thanh toán thị trường CGM hàng tháng [VND/kWh]



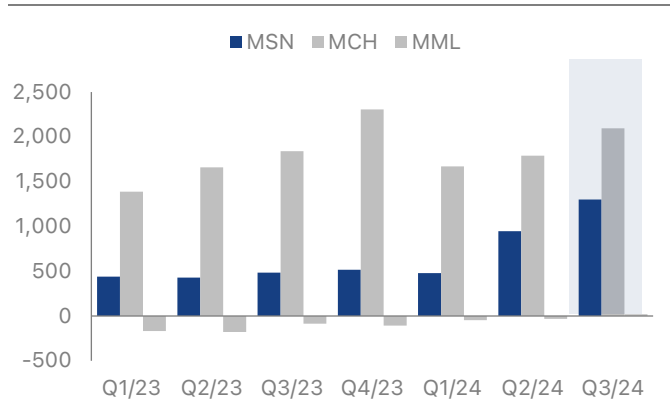
Nguồn: Genco3, TVS Research

- LNST của các DN thực phẩm & đồ uống tăng 19% YoY trong Q3 2024, chủ yếu tới từ MSN và các doanh nghiệp cùng tập đoàn trong mảng Thực phẩm và đồ uống như MCH & MML (Nhóm**

MSN). Trong Q3 2024, tổng LNST của nhóm MSN đạt 3,415 tỷ VND (+52.5% YoY), đóng góp 70% tăng trưởng lợi nhuận toàn ngành. Tăng trưởng này đạt được nhờ (1) biên lợi nhuận ngành hàng tiêu dùng tăng nhờ tối ưu hóa danh mục hàng hóa, mở rộng sang các sản phẩm cao cấp và (2) lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 88% YoY nhờ diễn biến tỷ giá thuận lợi. Ngoài ra, giá thịt lợn neo ở mức cao đã giúp cho KQKD của các doanh nghiệp chăn nuôi như MML, DBC tăng trưởng tích cực. LNST của DBC trong Q3 2024 tăng 24 lần so với cùng kỳ, đóng góp 17% vào mức tăng của ngành. Chúng tôi cho rằng KQKD của ngành Thực phẩm & đồ uống sẽ duy trì đà tăng trưởng trong Q4 2024 nhờ các yếu tố thuận lợi trên tiếp tục được duy trì

Biểu đồ 7: LNST của nhóm MSN tăng mạnh trong Q3 2024

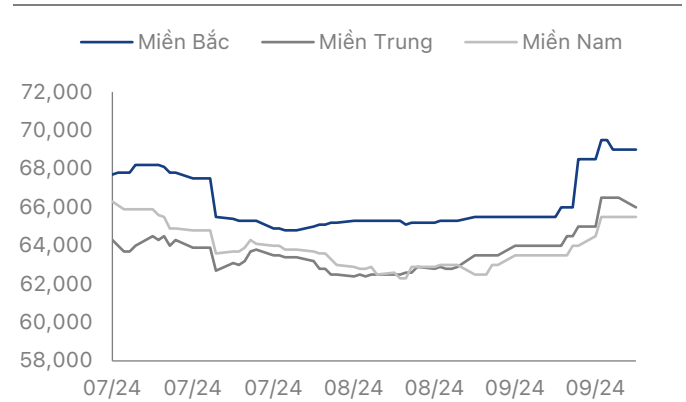
LNST của các DN nhóm MSN từ Q1/23 – nay [tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Biểu đồ 8: Giá thịt lợn Q3 2024 neo ở mức cao

Giá thịt lợn tại 3 miền trong Q3 2024 [VND/kg]



Nguồn: Wichart, TVS Research

- Lợi nhuận của các DN Bán lẻ tăng trưởng 226% YoY trong Q3 2024, chủ yếu được thúc đẩy bởi tăng trưởng mạnh của MWG và FRT** với lợi nhuận lần lượt đạt 806 tỷ VND (+226% YoY) và 165 tỷ VND (so với mức lỗ 13 tỷ VND cùng kỳ). Loại trừ hai doanh nghiệp trên, tăng trưởng về lợi nhuận của các DN còn lại đạt mức 15% YoY, cho thấy sự hồi phục về KQKD của ngành Bán lẻ dần được cải thiện. Trong Q4 sắp tới, chúng tôi cho rằng tăng trưởng về lợi nhuận của ngành Bán lẻ tiếp tục được hỗ trợ từ tăng trưởng của MWG và FRT khi lợi nhuận cùng kỳ của 2 DN này ở mức thấp và đồng thời các DN có sự cải thiện mạnh mẽ về hoạt động kinh doanh trong thời gian gần đây
- LNST của các DN Bất động sản tăng 17% YoY trong Q3 2024, chủ yếu nhờ vào khoản thu nhập tài chính lớn của NVL.** NVL ghi nhận LNST Q3 2024 đạt 3.1 nghìn tỷ VND (+17% YoY), tăng mạnh so với mức lỗ 6.7 nghìn tỷ VND trong Q2 2024. Đóng góp chính cho tăng trưởng này tới từ thu nhập tài chính 3.9 nghìn tỷ VND (bao gồm

2.5 nghìn tỷ VND từ hợp đồng hợp tác đầu tư và 1.1 nghìn tỷ từ cho vay). Chúng tôi lưu ý NĐT đây là hai khoản mục đã từng bị điều chỉnh giảm mạnh trong BCTC Q2 2024 kiểm toán của NVL do các khoản mục này chưa thu được bằng tiền vào cuối Q2 2024. Ngoài ra, LNST của doanh nghiệp lớn nhất ngành là VHM trong Q3 2024 giảm 16% YoY do biên lợi nhuận giảm từ 40% xuống 34% khi tỷ trọng các sản phẩm hợp tác đầu tư (có biên lợi nhuận thấp hơn các sản phẩm tự phát triển) cao hơn trong Q3 2024. Nếu loại trừ NVL và các CP Vingroup (VIC, VHM, VRE), LNST toàn ngành BĐS tăng trưởng 20%, chủ yếu nhờ vào tăng trưởng 73% YoY của các DN BĐS KCN như IDC và KBC trong khi KQKD của các DN BĐS thương mại như DXG, NLG, KDH tiếp tục giảm 8% YoY. TVS Research cho rằng nguyên nhân chính do các DN thiếu đi các dự án lớn để bàn giao khi thị trường BĐS đã khó khăn trong 2 năm trở lại đây. Chúng tôi kỳ vọng LNST của nhóm BĐS thương mại sẽ hồi phục rõ ràng hơn từ Q4 2024 trở đi khi chu kỳ bàn giao các dự án lớn của các DN BĐS như NLG, KDH, DXG sẽ diễn ra mạnh

Ngược lại, Dầu khí đóng góp tiêu cực nhất vào tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường.

- **Nhóm Dầu khí ghi nhận lỗ 553 tỷ VND trong Q3 2024 (so với lãi 4.6 nghìn tỷ VND cùng kỳ), chủ yếu do suy giảm lợi nhuận ở các DN như BSR, PLX.** Trong Q3 2024, BSR ghi nhận lỗ 1.2 nghìn tỷ VND (so với lợi nhuận 3.3 nghìn tỷ VND trong cùng kỳ năm trước), chủ yếu do crack spread (chênh lệch giữa xăng dầu thành phẩm và dầu thô) bình quân giảm mạnh khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu yếu và công ty trích lập dự phòng hàng tồn kho 82 tỷ VND trong quý do giá dầu thô giảm. Với PLX, LNST Q3 2024 của công ty giảm 82% YoY xuống 130 tỷ VND do (1) giá dầu giảm nhanh làm tăng áp lực trích lập hàng tồn kho và làm giảm biên lợi nhuận gộp của PLX, (2) không còn khoản doanh thu tài chính bất thường từ việc thoái vốn PGBank như trong Q3 2023. Chúng tôi cho rằng KQKD Q4 2024 của ngành sẽ tích cực hơn Q3 2024 do: (1) Các DN dầu khí sẽ không gặp áp lực trích dự phòng hàng tồn kho do chúng tôi kỳ vọng diễn biến giá dầu Brent sẽ duy trì ổn định trong khoảng 70–75 USD/thùng, (2) Nửa cuối năm thường là mùa nghiệm thu và hạch toán các dự án của PVS, (3) Sản lượng của BSR hồi phục trở lại mức hoạt động thông thường (hiệu suất ~114%) sau đợt đại tu lần 5

Biểu đồ 9: Dầu Brent biến động mạnh trong Q3 2024, áp lực lên dự phòng HTK của các DN

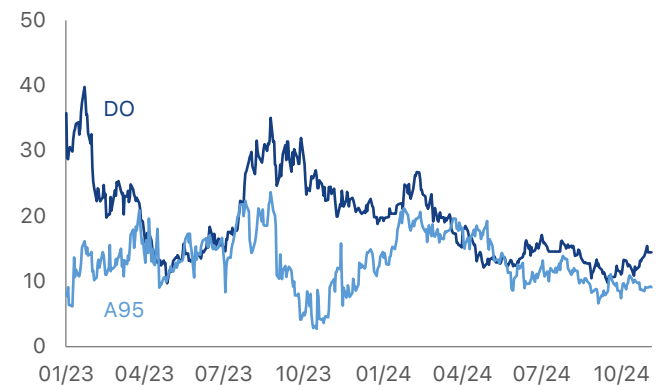
Giá dầu Brent [USD/thùng]



Nguồn: Bloomberg, TVS Research

Biểu đồ 10: Crack spread Q3 2024 thấp hơn từ 20-30% so với Q3 2023

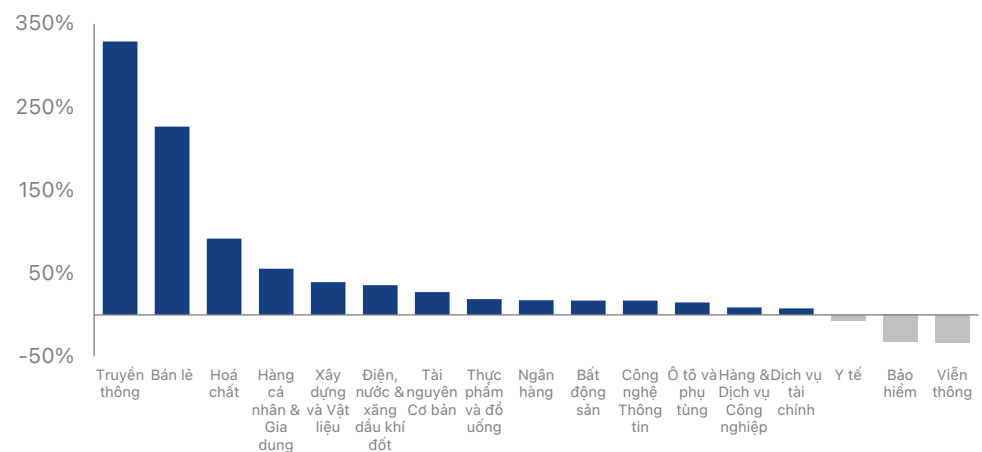
Crack spread của xăng A95 và dầu Diesel [USD/thùng]



Nguồn: Bloomberg, TVS Research

Biểu đồ 11: 15/19 ngành ghi nhận LNST tăng trong Q3 2024

Tăng/ Giảm LNST Q3 2024 theo nhóm ngành [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Chúng tôi loại bỏ ngành Dầu khí, Du lịch & Giải trí do có LNST Q3 2023 hoặc Q3 2024 là số âm

Dữ liệu gồm 1049/1748 doanh nghiệp, chiếm 97.9% vốn hoá toàn thị trường

Tăng trưởng LNST của các DN niêm yết trên 3 sàn diễn biến trái chiều trong Q3 2024.

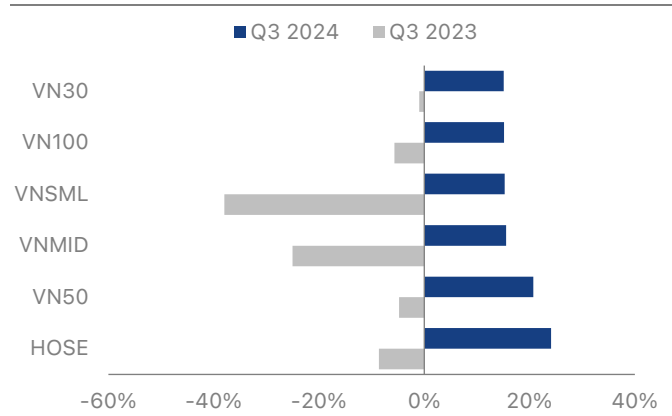
Tổng mức LNST của các DN trên HOSE tăng 24.1% YoY trong Q3 2024. Trong đó, LNST của nhóm VN30 tăng 15.1% YoY trong Q3 2024, chủ yếu tới từ tăng trưởng trên mức nền thấp của các DN như MWG (+21x YoY), VJC (+10x YoY), POW (+8x YoY) và VIC (+3x YoY). Bên cạnh đó, các nhóm VNMID và VNSML có tăng trưởng tương đồng với VN30 khi VNMID tăng 15.5% YoY trong khi VNSML tăng 15.3% YoY.

Tương tự, tổng LNST của các doanh nghiệp niêm yết trên HNX tăng 15.9% YoY.

Tuy nhiên, LNST các DN trên sàn UPCoM giảm 16.2% YoY chủ yếu đến từ ảnh hưởng tiêu cực của BSR.

Biểu đồ 12: HoSE có tăng trưởng LNST vượt trội trong Q3 2024 so với các nhóm chỉ số nhờ vào tăng trưởng của HVN

Tăng trưởng LNST theo nhóm [% YoY]

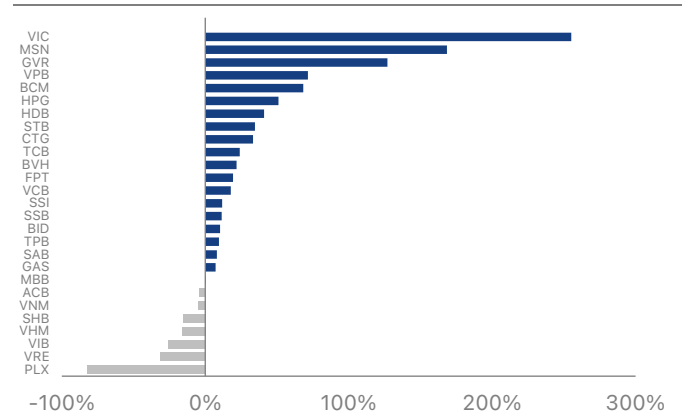


Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1049/1748 doanh nghiệp, chiếm 97.9% vốn hoá toàn thị trường

Biểu đồ 13: Hầu hết LNST Q3 2024 của các DN trong VN30 tăng do hồi phục từ mức nền thấp

Tăng trưởng LNST Q3 2024 của các doanh nghiệp trong nhóm VN30 [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Chúng tôi loại bỏ dữ liệu của MWG, VJC, POW do tăng trưởng Q3 2024 đột biến

Phụ lục 1: Tổng quan KQKD toàn thị trường

Nhóm ngành	ICB cấp 2	% Tổng vốn hoá thị trường	DN đã ra báo cáo Q3 2024		Tăng trưởng LNST Quý (YoY)										
			Số lượng DN	%Vốn hoá ngành	Q1/22	Q2/22	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Ngân hàng		30.8%	27/27	100.0%	31.0%	35.6%	53.4%	17.3%	-4.4%	-1.6%	-1.4%	25.7%	9.6%	21.7%	17.6%
Bất động sản		12.0%	92/127	98.6%	-17.9%	-49.3%	35.2%	-9.4%	48.5%	62.8%	-29.6%	1.4%	-61.6%	-31.8%	17.2%
Thực phẩm và đồ uống		10.1%	101/153	96.8%	46.7%	11.8%	9.2%	-66.9%	-34.6%	-12.4%	-10.3%	57.2%	14.7%	10.0%	19.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp		8.4%	139/264	96.1%	42.7%	29.7%	155.5%	-7.4%	-17.1%	9.1%	-7.6%	-12.8%	32.2%	8.0%	8.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt		5.8%	107/145	98.7%	57.6%	52.9%	17.3%	18.4%	-8.7%	-26.6%	-39.7%	-25.9%	-49.2%	-21.8%	35.6%
Tài nguyên Cơ bản		4.0%	72/113	96.8%	7.4%	-61.4%	N/A	N/A	-88.1%	-84.4%	N/A	N/A	172.7%	410.7%	27.4%
Xây dựng và Vật liệu		3.6%	187/343	92.7%	61.7%	37.8%	10.4%	-72.3%	-72.1%	-44.1%	-10.4%	126.3%	114.3%	39.3%	39.3%
Dịch vụ tài chính		3.9%	41/59	90.2%	39.4%	N/A	-67.4%	N/A	-61.0%	N/A	138.9%	N/A	103.2%	17.3%	7.9%
Hoá chất		3.8%	52/72	99.1%	260.8%	116.8%	33.1%	-25.8%	-71.0%	-69.7%	-70.6%	-1.7%	6.5%	56.3%	91.7%
Dầu khí		2.4%	10/12	99.9%	14.2%	175.6%	-50.9%	0.6%	-11.5%	-72.9%	827.9%	-8.5%	5.4%	-7.9%	N/A
Du lịch và Giải trí		1.8%	28/50	97.2%	-52.1%	-42.1%	-44.0%	303.6%	N/A	-53.5%	-17.3%	-60.9%	1110.9%	N/A	N/A
Công nghệ Thông tin		3.1%	20/29	99.7%	52.7%	32.9%	24.0%	-8.5%	0.8%	7.9%	16.8%	28.9%	19.0%	24.4%	17.1%
Bán lẻ		2.2%	23/32	99.3%	27.7%	-9.9%	36.2%	-62.7%	-86.7%	-95.3%	-67.8%	-67.0%	367.1%	2330.1%	226.3%
Viễn thông		3.8%	5/8	99.9%	3,546.2%	33.4%	319.6%	71.5%	-40.2%	N/A	-13.1%	N/A	95.2%	N/A	-33.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng		1.2%	46/76	96.8%	40.3%	44.8%	122.8%	-38.0%	-36.2%	-51.9%	-39.2%	18.3%	2.1%	36.1%	55.6%
Bảo hiểm		1.0%	12/13	100.0%	5.4%	-50.7%	-40.2%	-10.7%	8.1%	114.0%	42.7%	18.9%	14.4%	12.3%	-32.6%
Y tế		0.9%	37/60	94.1%	24.1%	0.6%	32.1%	14.1%	30.5%	32.0%	-7.1%	0.8%	-13.5%	-11.7%	-6.3%
Truyền thông		0.8%	26/40	76.3%	-25.5%	N/A	-87.2%	N/A	-18.1%	N/A	196.7%	N/A	34.7%	N/A	328.6%
Ô tô và phụ tùng		0.2%	11/15	97.5%	12.9%	4.0%	N/A	-23.8%	-66.4%	-50.9%	-56.7%	-18.6%	116.6%	118.0%	14.8%
HOSE		74.6%	379/414	99.1%	35.6%	0.8%	16.1%	-25.5%	-17.9%	-2.6%	-8.6%	26.8%	4.5%	13.8%	24.1%
HNX		4.6%	283/316	97.0%	31.0%	-24.4%	-16.7%	-47.8%	-32.3%	-0.9%	-8.7%	10.6%	41.2%	31.9%	15.9%
UPCOM		20.8%	385/914	93.9%	56.1%	75.8%	40.4%	-68.3%	-27.2%	-55.1%	24.1%	182.8%	12.8%	49.5%	-16.2%
VN30		52.2%	30/30	100.0%	24.4%	-2.5%	11.8%	-8.7%	-8.6%	3.7%	-1.0%	17.0%	-2.8%	23.6%	15.1%
VN50		49.4%	49/50	99.6%	31.8%	-4.3%	8.8%	-24.1%	-19.8%	3.7%	-4.8%	20.1%	0.1%	12.2%	20.7%
VN100		66.2%	99/100	99.7%	31.3%	2.2%	13.9%	-18.9%	-17.4%	0.2%	-5.7%	19.8%	0.5%	18.2%	15.2%
VNSML		3.4%	164/175	97.9%	17.5%	-21.1%	26.2%	-61.3%	-34.1%	-37.0%	-38.0%	66.9%	3.3%	32.6%	15.3%
VNMID		14.0%	69/70	98.5%	59.4%	20.5%	23.3%	-47.7%	-45.4%	-10.7%	-25.0%	33.3%	18.1%	-2.2%	15.5%
Nhóm vốn hoá lớn		82.6%	102/105	99.3%	38.1%	15.3%	21.5%	-21.7%	-13.7%	-9.1%	-0.9%	26.8%	5.7%	15.7%	14.2%
Nhóm vốn hoá vừa		13.6%	286/301	95.2%	35.1%	0.1%	1.5%	-67.3%	-39.1%	-38.5%	-26.2%	123.1%	7.4%	45.7%	43.4%
Nhóm vốn hoá nhỏ		3.8%	661/1342	76.7%	44.2%	-52.0%	-19.7%	-83.8%	-72.2%	-10.6%	-12.6%	127.0%	76.9%	-11.9%	21.4%
Tài chính		35.7%	80/99	98.9%	30.9%	18.0%	36.1%	-1.0%	-8.8%	6.2%	3.1%	32.6%	13.1%	21.2%	15.7%
Phi tài chính		64.3%	969/1649	97.4%	44.0%	4.4%	4.9%	-51.3%	-28.5%	-27.2%	-10.8%	41.4%	0.4%	15.9%	18.8%
Toàn thị trường		100.0%	1049/1748	97.9%	37.8%	9.4%	17.0%	-33.4%	-19.7%	-13.8%	-4.5%	36.7%	6.8%	18.5%	17.3%

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1049/1748 doanh nghiệp, chiếm 97.9% vốn hoá toàn thị trường (cập nhật đến hết ngày 1/11/2024)

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NĂM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Trọng Đình Tâm

P. Giám đốc Chiến lược đầu tư
tamntd@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Phạm Nguyễn Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtp@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn